

未成年子女權利義務行使負擔歸屬意願表

中文	您有未成年子女，離婚後未成年子女權利義務行使負擔願意歸 <input type="checkbox"/> 父 <input type="checkbox"/> 母 <input type="checkbox"/> 共同任之
日文	未成年の子供がいれば、離婚後は権利の行使や義務の負担を誰が遂行するか。 <input type="checkbox"/> 父 <input type="checkbox"/> 母 <input type="checkbox"/> 共同で遂行する
英文	If you have minors, who will be responsible for the executing or exercising of rights and obligations for them after your divorce: <input type="checkbox"/> Father <input type="checkbox"/> Mother <input type="checkbox"/> Mutual responsibility
越南文	Bạn có con vị thành niên , sau khi ly hôn , quyền và nghĩa vụ trông nom , chăm sóc , giáo dục , nuôi dưỡng , đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ về mọi mặt của con vị thành niên do <input type="checkbox"/> Bố <input type="checkbox"/> Mẹ <input type="checkbox"/> Cả bố lẫn mẹ trực tiếp đảm trách nhiệm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của con vị thành niên .
印尼文	Setelah bercerai, siapakah yg harus bertanggung jawab untuk melaksanakan hak dan kewajiban anak anda yg belum dewasa <input type="checkbox"/> Ayah <input type="checkbox"/> Ibu <input type="checkbox"/> Sama-sama
泰文	หลังจากที่คุณหย่าร้างกันแล้ว ผู้ที่มีความประสงค์ในการรับภาระหน้าที่และสิทธิเลี้ยงดูดูแลบุตรที่ยังไม่บรรลุนิติภาวะคือ <input type="checkbox"/> ฝ่ายบิดา <input type="checkbox"/> ฝ่ายมารดา <input type="checkbox"/> ทั้งสองฝ่าย
柬埔寨文	ប្រសិនបើលោកអ្នកមានកូនមិនទាន់ពេញវ័យ ក្រោយពីលះលែងគ្នា ចំពោះសិទ្ធិនិងភារកិច្ចរបស់កូនដែលមិនពេញវ័យ អ្នកយល់ព្រមទទួលខុសត្រូវដោយ <input type="checkbox"/> ឪពុក <input type="checkbox"/> ម្តាយ <input type="checkbox"/> ឪពុកនិងម្តាយរួមគ្នា

立約定書人：\_\_\_\_\_（簽章）  
 國民身分證統一編號  
 （或護照號碼、統一證號）：\_\_\_\_\_

立約定書人：\_\_\_\_\_（簽章）  
 國民身分證統一編號  
 （或護照號碼、統一證號）\_\_\_\_\_